

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hương

Ông Nguyễn Anh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2026 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Mạnh H, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1973, Căn cước công dân số: 03107300****; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số C L, phường N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1973, Chứng minh nhân dân số 03088****; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số E L, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Số E G L, phường H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Mạnh H trình bày:

Ông Phạm Mạnh H và bà Trần Thị P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng) từ ngày 03/5/2002. Từ năm 2002 đến tháng 04/2003, ông H và bà P chung sống tại địa chỉ: Số E L, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Số E G L, phường H, thành phố Hải Phòng). Nhưng do mâu thuẫn, nên từ tháng 5/2003, ông H và bà P đã sống ly thân, bà P ở nhà bố mẹ tại địa chỉ: Số E G L, phường H, thành phố Hải

Phòng; ông H về sống tại địa chỉ: Số C L, phường N, thành phố Hải Phòng cho đến nay. Sau đó, bà P đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 12/2003 cho đến nay không rõ tung tích, địa chỉ. Bà P không trở về gia đình, địa phương và không có liên lạc về cho gia đình. Ông H đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm bà P, nhưng không có kết quả. Vì vậy, ông H đã đề nghị Tòa án tuyên bố bà Trần Thị P bị mất tích và Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, tuyên bố bà P bị mất tích theo quy định của pháp luật.

Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, bà P cũng đã làm đơn xin ly hôn với ông H từ tháng 9/2002, nhưng lúc đó vì con nhỏ, nên ông H không đồng ý ly hôn. Đến nay, ông H đã không còn tình cảm với bà P, nên ông H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Phương P1, sinh ngày 18/02/2002. Do con chung đã thành niên, nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị P đã bị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P, nhưng bị đơn là bà Trần Thị P đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của bà P và bà P cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/02/2026, ông Trần Văn Đ (là anh trai bà Trần Thị P) trình bày: Trong quá trình chung sống, giữa ông H và bà P có xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2003, hai bên sống ly thân. Khoảng cuối năm 2002, bà P có làm đơn xin ly hôn ông H, nhưng lúc đó ông H chưa đồng ý ly hôn. Sau đó, bà P bỏ nhà đi, đến nay không có tin tức, địa chỉ. Bà P đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng. Việc ông H yêu cầu ly hôn với bà P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn trình bày đề ngày 04/02/2025, anh Phạm Phương P1 (là con đẻ của bà P và ông H) trình bày: Anh P1 được bà ngoại kể lại, trong quá trình chung sống, ông H và bà P có phát sinh mâu thuẫn, nên từ tháng 5/2003, hai người đã sống ly thân. Anh P1 lúc đó ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Do hai bên có mâu thuẫn, nên ông bà ngoại cũng khuyên hai bên đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 9/2002, bà P đã làm đơn xin ly hôn với ông H, nhưng ông H không đồng ý ly hôn, nên chưa giải quyết được. Nay để ông H ổn định cuộc sống, anh P1 đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định, để đảm bảo quyền lợi cho ông H và bà P.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phạm Mạnh H được ly hôn với bà Trần Thị P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Phương P1, sinh ngày 18/02/2002. Do con chung đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị P; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở cuối cùng tại Số E L, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Số E G L, phường H, thành phố Hải Phòng). Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Mạnh H và bà Trần Thị P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng), nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Ông H cho rằng quá trình chung sống, giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 05/2003 và bà P đã làm Đơn xin ly hôn đề ngày 27/9/2002 với ông H, đơn xin ly hôn này có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng. Đến nay, ông H đã không còn tình cảm với bà P. Do vậy, ông H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng giải quyết cho ông H được ly hôn với bà P theo quy định của pháp luật.

[5] Bà Trần Thị P đã bị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà P đều vắng mặt, không có lời khai và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà P đã không còn chung sống với ông H từ khoảng tháng 5/2023 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên không có khả năng đoàn tụ.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

[7] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Phương P1, sinh ngày 18/02/2002. Do con chung đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Mạnh H được ly hôn bà Trần Thị P.

2. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phạm Phương P1, sinh ngày 18/02/2002. Do con chung đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Mạnh H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001438, ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông Phạm Mạnh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hải Phòng;
- UBND phường Hồng Bàng, Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01, ngày 03/5/2002 của UBND phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, Hải Phòng (nay là UBND phường Hồng Bàng, Hải Phòng);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh